

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thảo; ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 11/9/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ, ngày 25/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 2, xã H huyện H, tỉnh H. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quang L; sinh năm: 1980 địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang L đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Lí do mâu thuẫn là vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh L không lo tu chí làm ăn, thậm chí anh L uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập, đui chị ra khỏi nhà. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng, để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải được nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm

2020 cho đến nay. Nay vì chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh L, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Phạm Bảo L, sinh ngày 18/11/2015 và Phạm Đình P, sinh ngày 30/10/2017. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, chị đã đưa con vào miền nam sinh sống nhưng do anh L lấy con về, ngăn cấm, không cho chị nuôi dưỡng, thăm nom, chăm sóc con. Do đó, chị T đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn, bản sao: Căn cước công dân, giấy khai sinh các con; thông báo số định danh cá nhân; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; bản tự khai; hợp đồng lao động, ngày 13/7/2022; đơn xin xác nhận, đề ngày 08/9/2023.

Tại bản tự khai đề ngày 15/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Quang L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất các nội dung về điều kiện, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Anh nhận ra được sai lầm vì đã có hành vi đánh đập, chửi bới chị T nhưng anh nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa trầm trọng, chưa đến mức phải ly hôn, anh mong chị T bình tĩnh, suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị T không đồng ý đoàn tụ thì anh đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Giữa anh và chị T có 2 người con chung đúng như chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì lâu nay con đang sống ổn định cùng với anh, hơn nữa nguyện vọng của 2 con là không muốn ở cùng với mẹ mà đồng ý ở với bố.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai; đơn đề nghị, đề ngày 29/8/2023; bản tự khai của con, đề ngày 29/8/2023.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án được. Tòa án kiên trì hòa giải nhưng nguyên đơn chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Hương Khê tham gia phiên tòa:
Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Quang L có địa chỉ cư trú tại thôn Ph, xã G, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang L và chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H theo Giấy đăng ký kết hôn số 02/2015 ngày 16/01/2015, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, từ năm 2019 chị T và anh L có nảy sinh mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là vì vợ chồng khắc khẩu, thường xuyên xảy ra cãi vã, ngoài ra anh L còn có hành vi chửi bới, đánh đập chị T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng thỏa thuận đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý đoàn tụ, nhất quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa anh L không đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, đồng ý cho chị T được ly hôn với anh L.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Phạm Bảo L, sinh ngày 18/11/2015 và Phạm Đình P, sinh ngày 30/10/2017. Sau khi ly hôn, chị T và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy chị T và anh L đều đang trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và các con, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...*”, do đó nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự đều chính đáng, đúng quy định và việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con. Các bên đương sự có 02 người con chung, cháu Bảo L và cháu Đình P đều có nguyện vọng sống cùng anh L, tuy nhiên cả hai bên đương sự đều có nguyện vọng, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, do đó cần giao cho mỗi bên đương sự nuôi 1 người con, đối với cháu Phạm Đình P là con thứ hai, nhỏ hơn cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, do đó cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Phạm Bảo L cần giao cho anh L tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp, đúng với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh L, chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Quang L.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Đình Ph sinh ngày 30/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con chung tên là Phạm Bảo L, sinh ngày 18/11/2015 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007933 ngày 24/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Quang L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Hương Long;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trọng Hùng